

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-11-2019

V/v: “Ly hôn”.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Phạm Văn Sơn.

2. Ông Hoàng Văn Đông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án N dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 398/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Lê Tuyết L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 8, ấp 2, xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Lục Thanh N**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu 8, ấp 2, xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Lê Tuyết L trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Chị và anh N có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện Định Quán và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 22/02/1995. Vợ chồng chung sống đến những năm gần đây thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt và khó có thể hàn gắn. Nay chị cảm thấy tình cảm đã hết, sống với nhau không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mục đích hôn N không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên là Lục Thị Kim N2, sinh ngày 01/5/1992 và Lục Minh N3, sinh ngày 01/02/1995. Do các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 02/10/2019 bị đơn là anh Lục Thanh N trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Anh và chị L có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã PH, huyện Định Quán và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 22/02/1995. Vợ chồng chung sống đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt và khó có thể hàn gắn. Nay anh cảm thấy tình cảm đã hết, sống với nhau không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mục đích hôn N không đạt được. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung tên là Lục Thị Kim N2, sinh ngày 01/5/1992 và Lục Minh N3, sinh ngày 01/02/1995. Do các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền N3 vụ của đương sự

được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tổ tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Tuyết L.

- Về con chung: Do các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Tuyết L chịu 300.000 đồng án phí Hôn N và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Lục Thanh N hiện cư trú tại ấp 2, xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị L yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh N, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Lê Tuyết L là nguyên đơn; anh Lục Thanh N là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện N3 vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và N3 vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn N: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh N và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, là hôn N hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Chị L yêu cầu được ly hôn với anh N do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Anh N thống nhất với những mâu thuẫn do chị L trình bày và đồng ý ly hôn với yêu

cầu của chị L. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn N của chị L, anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Tuyết L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn N và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, N3 vụ của vợ, chồng làm cho hôn N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được”.

[6] Về con chung: Chị L và anh N có hai con chung tên là Lục Thị Kim N2, sinh ngày 01/5/1992 và Lục Minh N3, sinh ngày 01/02/1995. Hiện nay hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động, chị L và anh N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Lê Tuyết L chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn N gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn N và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 131 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn N: Chị Lê Tuyết L được ly hôn với anh Lục Thanh N.

2. Về con chung: Cháu Lục Thị Kim N2, sinh ngày 01/5/1992 và Lục Minh N3, sinh ngày 01/02/1995 đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn N và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị L đã nộp (biên lai số

0002493 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được cân trừ qua án phí. Chị L đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái